

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST

Ngày 14/8/2018.

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lý Công Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Linh**

2. Ông **Nguyễn Văn Hành**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Hướng** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện viện kiểm sát huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông **Lý Út Hoài** – Kiểm sát viên

Vào ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 07.5.2018 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 27/7/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Kim Thị Ka R**, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 883, khu C, ấp H, thị trấn L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

* *Bị đơn:* Ông **Kim Minh H**, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 913, ấp H, thị trấn L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa thì nguyên đơn bà Kim Thị Ka R trình bày:

Vào năm 2008, bà và ông Kim Minh H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Phú (nay là huyện Trần Đề), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/02/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian và đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông H thường xuyên ghen tuông, dùng bạo lực đối với bà nên bà Ri đã tự tử nhưng được gia đình đưa đi cấp cứu. Sau đó, vợ chồng cùng đi làm thuê để nuôi con nhưng tính tình ông H không thay đổi, tiếp tục ghen tuông, dùng bạo lực đối với bà cho nên đến tháng 10/2015 bà và ông H ly thân đến nay; Về con chung: Trong thời gian chung sống

bà và ông H có 02 con chung tên Kim Minh L, sinh ngày 31/10/2008 và Kim Thị Ngọc Y, sinh ngày 22/6/2011, hiện nay Minh L đang sống với bà Ka R và Ngọc Y đang sống chung với ông H; Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: Không có.

Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Kim Minh H; Về con chung: Theo nguyện vọng của Kim Minh L, sinh ngày 31/10/2008 và Kim Thị Ngọc Y, sinh ngày 22/6/2011. Nếu Minh L và Ngọc Y đồng ý theo bà thì bà nuôi dưỡng cho đến đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu Minh L và Ngọc Y đồng ý theo ông H thì bà đồng ý giao Minh L và Ngọc Y cho ông H nuôi dưỡng cho đến đủ 18 tuổi và bà cũng không cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Kim Minh H, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Kim Minh H nhưng ông H không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Ka R và không đến tham gia phiên họp để công bố chứng cứ, phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn về con chung đề nghị giao cháu Minh L cho bà Ka R nuôi dưỡng và giao cháu Ngọc Y cho ông H nuôi dưỡng, đồng thời bà Ka R và ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 17/4/2018, bà Kim Thị Ka R yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Kim Minh H có nơi cư trú tại ấp Hội Trung, thị trấn L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Kim Minh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và bà Kim Thị Ka R có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn Kim Thị Ka R:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Ka R và ông Kim Minh H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Phú (nay là huyện Trần Đề), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/02/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ka R và ông H là hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bị đơn hay ghen, vợ chồng hay cãi nhau và mâu thuẫn kéo dài đến tháng 10 năm 2015 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà Ka R làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải đề động viên vợ chồng bà Ka R, ông H đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía ông H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Ka R, ông H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà Ka R xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Vợ chồng bà Ka R và ông H có 02 con chung tên Kim Minh L, sinh ngày 31/10/2008 và Kim Thị Ngọc Y, sinh ngày 22/6/2011, hiện nay Minh L đang sống với bà Ka R và Ngọc Y đang sống chung với ông H. Bà Ka R có ý kiến là tùy theo nguyện vọng của các con nếu đồng ý theo bà thì bà nuôi dưỡng cho đến đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu Minh L và Ngọc Y đồng ý theo ông H thì bà đồng ý giao Minh L và Ngọc Y cho ông H nuôi dưỡng cho đến đủ 18 tuổi và bà cũng không cấp dưỡng nuôi con chung và qua việc ghi ý của các con thì cháu Minh L có nguyện vọng sống chung với bà Ka R còn cháu Ngọc Y có nguyện vọng sống với ông H. Xét thấy, qua ý kiến của các con và lời trình bày của đương sự và đề các cháu không bị ảnh hưởng môi trường sống, ảnh hưởng tâm sinh lý sau khi cha mẹ ly hôn nên giao cháu Minh L cho bà Ka R nuôi dưỡng đến thành niên và giao cháu Ngọc Y cho ông H nuôi dưỡng đến thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và nguyện vọng của cháu Lợi và Yến. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Kim Minh L cho bà Kim Thị Ka R trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên và giao cháu Kim Thị Ngọc Y cho ông Kim Minh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung: Bà Kim Thị Ka R xác định hiện nay có điều kiện kinh tế ổn định và đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu Lợi nên không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc ông H cấp dưỡng cho cháu Lợi. Còn việc cấp dưỡng đối với cháu Ngọc Y, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Kim Minh H nhưng ông H không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Ka R cũng như không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Tài sản chung và nợ chung: Bà Kim Thị Ka R không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Kim Thị Ka R chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Bà Kim Thị Ka R được ly hôn với ông Kim Minh H.

2. Về con chung:

- Giao cho bà Kim Thị Ka R trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Kim Thị Ka R và ông Kim Minh H là Kim Minh L, sinh ngày 31/10/2008 đến khi thành niên (hiện nay cháu Lợi sống chung với bà Ka R).

- Giao cho ông Kim Minh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Kim Thị Ka R và ông Kim Minh H là Kim Thị Ngọc Y, sinh ngày 22/6/2011 đến khi thành niên (hiện nay cháu Yến sống chung với ông H).

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom con chung tên Kim Minh L cho ông H, không ai được quyền cản trở ông H thực hiện quyền này; ông H không được lạm dụng quyền thăm nom, chăm sóc con chung tên Kim Minh L để gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục cháu Lợi của bà Ka R. Dành quyền thăm nom con chung tên Kim Thị Ngọc Y cho bà Ka R, không ai được quyền cản trở bà Ka R thực hiện quyền này; bà Ka R không được lạm dụng quyền thăm nom, chăm sóc con chung tên Kim Thị Ngọc Y để gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục cháu Yến của ông H.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kim Thị Ka R chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009577, ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Bà Kim Thị Ka R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Kim Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án cho nguyên đơn, bị đơn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKS huyện Trần Đề
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Trần Đề,;
- UBND TT L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lý Công Minh